

Cuộc viễn du ngược dòng thời gian để tìm về cội nguồn.

“Thiên đắc nhất dĩ thanh
Địa đắc nhất dĩ ninh
Vạn vật đắc nhất dĩ sinh
Thiên hạ vạn vật sinh ư hữu
Hữu sinh ư vô”

(Lão Tử Đạo Đức Kinh # 39-40)

(Trời được một mà trong – Đất được một mà yên – Vạn vật được một mà sinh – Vạn vật sinh trong Trời Đất sinh nơi “Có” – Có sinh nơi không.)

Đạo đức kinh – Chương 16)

(Trở về cội nguồn (căn), gọi là Tĩnh, đó gọi là Phục Mệnh (trở về với chính con người của mình), phục mệnh gọi là Thường, biết Thường gọi là Minh, không biết đạo “ Thường ” sẽ hành xử sai lạc tất sẽ mắc sai lầm và đưa đến tai họa – “Thường” nghĩa là vĩnh cửu, bất biến.

1./Sự hội tụ của đời sống :

Mỗi một người trong chúng ta đều có hai cha và mẹ, bốn ông bà, tám ông cô, mười sáu ông/bà sơ, ba mươi hai ông/bà...cụ tổ....và....sáu mươi bốn...ông/bà....tổ...!!!...- Ta có thể dùng

ký hiệu toán học “ 2^n ” để biểu thị số các ông cụ tổ của mỗi người trong chúng ta bằng sự đi ngược dòng này để trở về các thế hệ tổ tiên trước chúng ta “ n ” thế hệ. Giả sử chúng ta ngược dòng về khoảng ba mươi sáu thế hệ, thì con số sẽ được viết như sau “ 2^{36} ”, nếu tính ra con số người, ký hiệu 2^{36} , số người sẽ là: $2 \times 2 \times \dots \times 2 \times 2$ dãy số này gồm 36 số hạng, tức là số hai nhân với chính nó 36 lần, con số này sẽ là 70 tỷ người, và mỗi thế hệ trung bình là 25 năm. Ba mươi sáu thế hệ nhân với 25 năm, con số này là khoảng 900 năm. Năm nay là năm 2017, tính theo lịch Công Nguyên, con số 70 tỷ người tổ tiên của chúng ta là con số vào năm 1117. Nếu tính đi ngược thời gian thêm 1000 năm nữa, tức là năm Chúa Christ giáng sinh, con số người đã từng sống trên trái đất này sẽ là con số 10^{24} người, con số mười nhân với chính nó 24 lần, con số này sẽ là một triệu tỷ người. Con số “một triệu tỷ” người đã từng có mặt trên trái đất này, có lẽ nó bắt đầu làm chúng ta nghi ngại, e dè và không thể không đặt những câu hỏi tiếp theo, sau những lập luận chặt chẽ và sắc bén này của toán học, đó là con số người đã từng sống trên trái đất này chỉ tính đến năm Chúa giáng sinh. Nếu chúng ta ngược dòng thời gian khá xa thêm thì sẽ là một con số gấp bội hơn con số 10^{24} . Nếu chúng ta ngược thời gian để tìm về cội nguồn xa xôi hơn nữa, thí dụ như ở thời gian một triệu năm, hay một tỷ năm trước đây, thì “cây đời” đó của tất cả chúng ta sẽ như thế nào ??? - Nhưng các nhà Cổ sinh vật học (Palaeontology), các nhà Nhân chủng học (anthropology), đều khẳng định rằng tổng số con người đã từng có mặt trên quả đất này chỉ là khoảng 50 tỷ người kể từ buổi bình minh của loài người. Như vậy, có nghĩa là, ở một giai đoạn xa xăm nào đó trong quá khứ, các nhánh cây đời phải gặp nhau ở một cành chung nào đó, tất cả vạn vật chúng sinh đều cùng một tổ tiên sống ở bình nguyên bên cạnh một dòng sông nào đó hay ở trong những cánh rừng bên cạnh nó có dòng thác chảy nào đó ở Phi Châu hay Âu Châu hay Bắc Mỹ hoặc ở một thảo nguyên nào đó tại Á Châu... - Dù các là sinh vật, động vật, hay thực vật, các nhánh đời này đều, sớm hay muộn gì, đều cũng sẽ hội tụ vào một cây duy nhất. Trên thực tế, tất cả chúng ta đều xuất thân từ cùng một và chỉ một sinh vật, một tế bào nguyên thủy có cách đây khoảng 3,8 tỷ năm so với sự hình thành trái đất

cách đây 4,5 tỷ năm. Từ một tổ tiên chung, sự sống đa dạng hơn theo thời gian theo sự phân nhánh và phân cành liên chủng học còn có ngành Sinh Vật Học Phân Tử (Molecular biology) sẽ giúp chúng ta tìm về và xác minh những cội nguồn xa xôi hơn nữa. ...- Chính các nhà Sinh Vật học phân tử nói với chúng ta một cách rõ ràng rằng: tất cả các cơ thể sống trên trái đất, gồm con người, các loài sinh vật, cỏ cây hoa lá...tất cả đều xuất thân từ một tổ tiên chung. Theo các nhà Sinh vật học phân tử, sự sống là kết quả của sự kết hợp giữa hai nhóm phân tử: (các acid nucleic) và (các protein). Một đặc tính của sự sống là khả năng sinh sản của nó. Nó làm được điều đó là nhờ vào cấu trúc chuỗi xoắn kép của DNA (Deoxyribonucleic Acid), một công trình do James Watson và Francis Crick phát hiện [hai ông đã được trao giải Nobel Sinh lý và Y khoa (Physiology or Medicin) năm 1962 cho "sự khám phá của họ liên quan đến cấu trúc phân tử của nucleic acids và tầm quan trọng của nó cho việc trao chuyển thông tin di truyền trong vật chất sống]. Sự sống bắt nguồn từ sự cộng tác giữa các phân tử AND và các protein. Chuỗi xoắn kép DNA, được cấu tạo từ các phân tử đường và phosphate, được gắn liền với nhau bởi bốn nhóm phân tử base (ba - zờ): Adenin (A) – Cytosin(C) – Guanin (G) – và Thymin (T). Dãy chính xác của các Bases này xác định một mã di truyền. Mỗi dãy có thể chứa hàng trăm bases được phân bố theo một trật tự vô cùng chính xác. Sự phân bố trật tự này được thể hiện ra ngoài bằng màu da, tóc, một thiên tài nào đó, thể trạng...v.v...- Do cấu trúc và kích thước của chúng các bases này sẽ kết hợp với nhau theo một quy luật nhất định, và chỉ theo một quy luật nhất định đó: A kết hợp với T, C kết hợp với G, T với A, G với C. Chính sự sắp xếp theo quy luật này cho phép các phân tử DNA mẹ tự tách đôi và truyền đi mã di truyền. Khi hai chuỗi xoắn kép này tách đôi, mỗi một chuỗi còn lại sau đó sẽ ghép với một chuỗi xoắn bổ sung khác tạo thành hai phân tử DNA con. Vì các bases gắn hai chuỗi xoắn bổ sung này, chỉ có thể ghép theo một quy luật nhất định và vô cùng chính xác, nên trật tự của các bases này (xác định mã di truyền) trong hai phân tử DNA con là giống hệt với

DNA mẹ. Như thế phân tử DNA mẹ đã được nhân đôi và mã di truyền đã được truyền từ phân tử DNA mẹ sang hai phân tử DNA con. Điều này giải thích được tại sao con cái lại giống bố mẹ, con người lại sinh ra con người, khi sinh ra khỉ, giun sinh ra giun, hoa phượng đỏ nở thắm trời vào mùa hạ....., hoa phượng đỏ lại nở ra ra hoa phượng đỏ và.....“ Đường cây bàng nắng đọng, lối đi quen”, cây bàng sẽ sinh ra cây bàng...!!!



Và đến Charles Darwin....

Ông là một người Anh – (1809 – 1882), qua tác phẩm nổi tiếng của ông, tác phẩm “On the origin of species by mean of natural selection, or the preservation of favoured races in the struggle for life”, (Về nguồn gốc các loại qua phương thức chọn lọc tự nhiên, hay sự bảo tồn những nòi ưu thế trong đấu tranh sinh tồn). Theo ông, các loài không thể được sinh ra tất cả ngay từ đầu. Hình dạng của các loài đã thay đổi và tiến hoá trong nhiều kỷ nguyên địa chất để thích nghi với môi trường sống của các loài. Nhưng với câu hỏi: “ Những thay đổi về hình dạng và thể trạng đó của các loài đã thực hiện như thế nào?? ”– Charles Darwin không thể trả lời chính xác được câu hỏi này, vì lúc đó, năm 1859 (năm ông cho xuất bản tác phẩm này), ông chưa biết đến cấu trúc của phân tử DNA và tất nhiên cả mã di truyền (genetic code) của DNA,(được đưa ra vào năm 1962). Nhưng với công trình do James Watson và Francis Crick phát hiện đã giải thích được sự tiến hóa các loài bằng các đột biến gen. Trong thực tế, tiến trình sinh sản không phải lúc nào cũng trơn tru, tiến trình này cũng có những lúc vướng mắc những biến cố, mà người ta gọi là ngẫu nhiên, được thể hiện bằng các biến đổi gen của các cơ thể sống. Những biến đổi gen này sẽ đưa đến, đôi khi là tuyệt chủng của một loài nào đó và đôi khi sự đột biến tạo cho sinh vật sống cho phép sinh vật này thích nghi với môi trường sống chung quanh hơn. Sự đột biến này (tình cờ), đó là cái mà Darwin gọi là chọn lọc tự nhiên. Những đột biến gen này có thể xảy ra một cách tự nhiên hay cho dù là do nhân tạo đi

chăng nữa, thì những đột biến này chúng luôn luôn xảy ra một cách ngẫu nhiên trong tiến trình biến đổi. Nhưng có một điều hiển nhiên rằng, nếu các phân tử DNA đầu tiên sinh sản luôn luôn đồng nhất, thì sẽ không có một tiến hóa nào, Và trái đất của chúng ta, ngày hôm nay, chỉ có sự hiện diện của đơn bào (những sinh vật đầu tiên trên hành tinh của chúng ta), và tất nhiên...chúng ta sẽ không có mặt ngày hôm nay.



2./ Tất cả, từ đơn bào (unicellular) đến Thiên Hà, từ thế giới vi mô đến thế giới vĩ mô, đều bắt nguồn từ “Big Bang”.

Ban đêm, chúng ta ngược nhìn bầu trời đầy sao, mỗi con người dường như cảm thấy bị thu nhỏ lại trước sự mênh mông của vũ trụ và sự vô tận của thời gian. Con người bị thu hút và choáng ngợp bởi vẻ đẹp và chiều sâu thăm thẳm của nó. Liệu con người có ý nghĩa gì không trong cái cõi bao la vô tận đó ??

Năm 1929, Edwin Hubble, nhà thiên văn học người Mỹ (1889 – 1953), [tên của ông đã được đặt cho một kính thiên văn Hubble Space Telescope (viết tắt là HST) của cơ quan NASA, được đặt trong một quỹ đạo cách Trái Đất khoảng 610 km]. Edwun Hubble đã phát hiện ra rằng tất cả các thiên hà (galaxy) trong vũ trụ mà con người quan sát được đều có một chuyển động tách xa ra dải Ngân Hà (Milky Way) của chúng ta. Dải Ngân Hà là tên được đặt cho một thiên hà mà hệ Mặt Trời của chúng ta có mặt trong đó. Chúng ta biết rằng mỗi thiên hà thường tập hợp từ 10 triệu đến 10000 tỷ các ngôi sao, những ngôi sao này liên kết với nhau bằng lực hấp dẫn. Mỗi thiên hà như dải Ngân Hà của chúng ta, trung bình có khoảng 100 tỷ mặt trời, và Mặt trời của thái dương hệ của chúng ta mà mỗi ngày đang chiếu sáng cho Trái đất chúng ta hiện nay đang sống, chỉ là một trong hàng trăm tỷ mặt trời có trong dải Ngân Hà này. Chuyển động chạy ra xa khỏi dải Ngân Hà của chúng ta của các thiên hà khác không phải là một chuyển động hỗn loạn mà những chuyển động này đều theo một quy luật nhất

định. Vận tốc chạy ra xa này tỉ lệ với khoảng cách đối với dải Ngân Hà của chúng ta nên thời gian để chạy ra xa khỏi dải Ngân Hà là chính xác như nhau đối với tất cả các thiên hà khác. Chính điều này này là nguồn gốc của lý thuyết Big Bang (Vụ Nổ Lớn). Thật vậy, nếu chúng ta quay ngược thời gian của sự kiện này, thì tất cả các thiên hà sẽ gặp nhau ở cùng một khởi điểm. Khởi điểm này phải vô cùng nhỏ, vô cùng đặc (đậm đặc hơn 10^{96} nước), vô cùng nóng (10^{32} độ C), tại điểm này không gian thời gian chưa hiện hữu. Nói một cách khác, Không gian và Thời gian được sinh ra ở thời điểm 10^{-43} sau Big Bang, tức là Vũ trụ chỉ được thành lập sau ánh chớp của ngọn đèn flash một phần mười triệu tỷ tỷ tỷ giây. Không gian này vô cùng nhỏ (10^{-33} cm, gọi là chiều dài Planck), không gian này vô cùng nhỏ khi được sinh ra và nó lớn dần cùng với sự trôi của thời gian. Chúng ta không thể đi ngược dòng thời gian hơn được nữa vì ở đó hiện ra một bức tường, mà các nhà khoa học đặt tên cho nó là “ “Bức tường Planck”, được đặt theo tên của nhà vật lý học Đức Max Planck / 1858-1947, bức tường này tồn tại bởi sự bất khả tri của chúng ta. Và nếu đặt những câu hỏi như: “Trước Big Bang là cái gì?”- hay “ Bên kia bức tường Planck là cái gì ???”, thì tất cả những câu hỏi đó đều vô nghĩa. Lịch sử của tất cả chúng ta chỉ bắt đầu ở thời điểm 10^{-43} này sau sự ra đời của vũ trụ. Và theo Einstein, không phải các thiên hà chuyển động trong một không gian bất động, trơ, có sẵn trước đó, mà trong một không gian giãn nở liên tục được tạo ra và kéo theo các thiên hà. Như thế, theo Einstein, vũ trụ được sinh ra từ chân không, một chân không lượng tử sống động và sôi sục năng lượng. Với phương trình của Einstein $E = mC^2$, một chân không lượng tử và sôi sục năng lượng, chân không này sẽ sinh ra những hạt và phản hạt như trong phương trình của Einstein, với $m = \frac{E}{C^2}$ có nghĩa là vật chất “m” sinh ra từ năng lượng E, chúng liên tục xuất hiện và biến mất (sinh/tử) theo vòng chu kỳ (luân hồi) cỡ 10^{-43} giây sau Big Bang. Con số mười lữ thừa trừ 43 (10^{-43}), tức con số 1 đứng sau 43 con số 0 và sau dấu phẩy, con số này như thách thức trí tuệ của chúng ta và làm cho tất cả chúng ta choáng váng vì tính phi

thực của nó, nhưng với các định luật vật lý thiên thể và vật lý hạt dường như xem đó là một điều khả dĩ chấp nhận.

Lý thuyết Big Bang, là mô hình vũ trụ học nổi bật, miêu tả giai đoạn sơ khai của sự hình thành Vũ trụ. Theo lý thuyết này, Vụ Nổ Lớn xảy ra cách nay 14 tỷ năm trước, và được các nhà vũ trụ học coi là tuổi của vũ trụ. Sau giai đoạn này, vũ trụ ở vào trạng thái cực nóng và đặc và bắt đầu giãn nở nhanh chóng. Sau giai đoạn lạm phát, vũ trụ đủ lạnh để năng lượng bức xạ (photon) chuyển đổi thành nhiều hạt hạ nguyên tử, bao gồm proton, neutron, và electron, vì sự lạnh đi là điều kiện thiết yếu cho sự hình thành các cấu trúc. Tuy những hạt nhân nguyên tử đơn giản có thể hình thành nhanh chóng sau Big Bang, nhưng cũng phải mất hàng nghìn năm sau, các nguyên tử trung hòa điện mới xuất hiện. Nguyên tố đầu tiên sinh ra là hydro, cùng với lượng nhỏ heli và liti. Những đám mây khổng lồ chứa các nguyên tố nguyên thủy sau đó hội tụ lại bởi lực hấp dẫn để hình thành các ngôi sao và các thiên hà rồi đến siêu đám thiên hà, và nguyên tố nặng hơn hoặc được tổng hợp trong lòng ngôi sao hoặc sinh ra từ các vụ nổ siêu sao mới.

Thuyết Big Bang là một lý thuyết khoa học đã được kiểm chứng và được cộng đồng khoa học chấp nhận rộng rãi. Nó đưa ra cách giải thích hoàn thiện về các loại hiện tượng quan sát thấy trong vũ trụ, bao gồm sự có mặt của những nguyên tố nhẹ, cấu trúc vĩ mô của vũ trụ, nó miêu tả và giải thích được một cách thỏa đáng sự tiến hóa chung của vũ trụ sau thời điểm vũ trụ lạm phát.

Từng có thời gian cộng đồng các nhà khoa học chia làm hai nhóm giữa một bên ủng hộ thuyết Vụ Nổ Lớn và một bên ủng hộ thuyết Trạng thái dừng, nhưng ngày nay hầu hết các nhà khoa học bị thuyết phục bởi những lý thuyết Vụ Nổ Lớn, vì nó phù hợp nhất với các quan sát đo lường. Vì khoa học phải dựa trên phương pháp thực nghiệm, bao gồm sự tác động qua lại không ngừng giữa quan sát và lý thuyết, giữa thực nghiệm và kiểm chứng, và nếu không có chứng minh bằng thực nghiệm, không được kiểm chứng thì trước sau gì, cái gọi là “khoa học này”, cái gọi là “hệ thống lý thuyết này” sẽ sa vào siêu hình....

3./ “ Ta và Vạn vật chúng sinh (vạn hữu) đều là **Một** ” và “tùy thuộc hỗ tương”

*/ 3.a/ Tính nhất thể của vạn hữu:

Tất cả vạn vật chúng sinh đều là hậu duệ của những bụi sao, chúng ta đều có một cội nguồn chung. Chúng ta cùng chia sẻ một lịch sử chung của vũ trụ với muôn thú ở rừng sâu, với hoa đồng cỏ nội, với những dòng nước ở thượng nguồn trên núi cao, với những dòng hải lưu chảy ngoài đại dương xanh ngắt, và cả với... những hạt hạ nguyên tử, cũng như sự phát sinh đời sống. Tất cả chỉ là một, chúng ta liên kết và tùy thuộc hỗ tương qua không gian và thời gian. Erwin Schrodinger, nhà vật lý người Áo, có những đóng góp vô cùng lớn lao cho nền tảng của lý thuyết cơ học lượng tử, nổi tiếng với một phương trình

mang tên của ông. [Phương trình Schrodinger: $i\hbar \frac{\partial}{\partial t} \Psi = \hat{H} \Psi$,

phương trình này là một phương trình góp phần xây dựng nền tảng của ngành cơ học lượng tử, nó mô hình hóa vật chất khi vật chất xuất hiện dưới dạng sóng; phương trình này cùng với thuyết tương đối của Einstein tạo nên những lý thuyết hiệu quả nhất của nền khoa học hiện đại]

Erwin Schrodinger đã từng viết:

“ Chính sự phân chia “Ngã ” (cái ta) và “Ngoại giới” là nguyên nhân của sự bất tương hợp với thế giới các hiện tượng. Hàng rào chia cắt chúng đó đã bị phá vỡ, kế tiếp là bởi những kinh nghiệm hiện nay trong ngành khoa học vật lý, bởi vì hàng rào đó không hiện hữu. Đó là hố thẳm ảo tưởng mà chúng ta đã tạo ra giữa “bên trong” và “bên ngoài”, giữa ý thức và vật chất, giữa “ta” và “người khác”, do phát sinh từ ý niệm về “ngã”. Một khi ta còn bị chi phối bởi lối suy nghĩ tuyến tính, tất nhiên tinh thần ta không thể nắm bắt được bản chất thật của sự vật, nên sự hiểu biết đó của ta vẫn bất toàn. Chỉ khi ta hiểu nhiều mặt khác nhau của sự vật, ta mới hiểu đích thật sự vật. ”

Đức Phật luôn đặt trọng tâm vào sự truyền giảng của Ngài rằng, sự xoá tan vô minh (ignorance) là cần phải hiểu đúng bản chất của “ngoại giới” (tha) và của “ngã” (cái ta), điều mà ta gọi là thực tế. Chính sự “Vô Minh” đã thúc đẩy ta xây dựng hạnh phúc của ta trên đau khổ của người khác. Và chính bởi

Vô Minh khiến ta tưởng rằng vạn vật là trường tồn, vĩnh cửu và chắc chắn, chứ không nhận ra rằng tất cả đều Vô Thường (impermanent) và Biến hoá (Changing/ transform). Tin tưởng vào sự hiện hữu của “Ngã” chính là một trong những hình thức chính do vô minh tạo thành.

Nhà luận sư Ấn Độ Chandrakirti (thế kỷ VI & VII), trong một thời kinh của ông, có viết:

“Lúc đầu, chúng ta nghĩ ra “cái tôi” và chúng ta bám chấp vào đó. Rồi chúng ta nghĩ ra “cái của tôi” và chúng ta bám chấp vào thế giới vật chất. Giống như dòng nước bị buộc làm quay bánh xe của chiếc cối xay, chúng ta cứ quay vòng lẫn lộn và bất lực. Tôi kính phục lòng từ bi bao trùm tất cả các chúng sinh.”

Đức Phật cũng nhấn mạnh đến sự khác biệt giữa cách ta nhận ra các hiện tượng và bản chất thật của hiện tượng và các ảnh hưởng nguy hại của cảm nhận sai lầm đó, từ đó đưa ta đến những cảm xúc tiêu cực, những ám chướng. Cho rằng “Ngã” và “Tha”(ngoại giới) hiện hữu một cách riêng biệt, sự phân biệt này là một sai lầm lớn lao và chỉ là ảo tưởng. Mọi hiện tượng tinh thần do cách chấp thủ vào “Ngã”, cách cảm nhận sai lầm đó gây ra các động loạn tinh thần, các ám chướng, các thứ đó chính là tham, sân, si và đồ kỵ sẽ khiến ta mất điều phục, chúng là mầm mống của đau khổ.

Phật giáo gọi là tính Không, tính Không, có nghĩa là : - “sự thiếu vắng một hiện hữu thật, một hiện hữu tự thân” –

Không diệt, không sinh, không đứt đoạn, không thường còn, không là một, không đa dạng, không đến, không đi. Bản chất của các hiện tượng thị hiện là chân không và chính từ chân không đó, chính từ sự vắng bóng của hiện hữu tự thân đó mà chúng có thể thị hiện và chuyển hóa.

Cái trống rỗng, cái Tính Không có một ý nghĩa hai mặt: một mặt, Tính Không không có một tự ngã nào; mặt khác, Tính Không đồng nghĩa với sự giải thoát, vì Tính Không chính là bản thể tuyệt đối. Chúng ngộ được tính Không tức là giải thoát. Muốn đạt được điều này, người ta phải thoát khỏi tâm thức thị phi. Tính Không là thể tính cuối cùng. Muốn đạt được bản thể tuyệt đối, người ta phải vượt qua chân lý tương đối.

Vì vậy Phật giáo cũng có quan điểm riêng về "Chân lý hai mặt" (nhị nguyên), họ gọi chân lý thông thường, chân lý quy ước. Chân lý quy ước này dành cho hiện tượng và khái niệm thế tục, chúng vốn bị tính chất nhị nguyên quy định. Chân lý tuyệt đối, tối cao thì giản đơn, không còn các mặt đối lập. Lý luận thông thường có thể tiếp cận chân lý quy ước, tuy không phải là chân lý cuối cùng, nhưng chúng cũng có giá trị nhất định. Vì vậy, chấp nhận tính Không, vô ngã, hoàn toàn không phải là phủ nhận kinh nghiệm của con người. Đời sống của một thức giả cũng phải phản ánh quan điểm đó, nghĩa là, đối với bên ngoài, người đó cũng xem khổ như là có thật, cũng phải giữ giới và cố gắng giúp tất cả mọi người thoát khỏi vòng vô minh. Nhưng người đó thật tâm biết rằng, những hành động đó chỉ giả tạo mà thôi.

*/3.b/ Sự tùy thuộc hỗ tương “Duyên Khởi”(Interdependence)

“Duyên Khởi” là một từ ngữ Hán Việt được dịch từ Phạn ngữ (Sanskrit)- *pratītya samutpāda* -có nghĩa là “tùy thuộc lẫn nhau và đồng sinh ra” - (“to be by co-emergence ” & “dependent origination”). Hay, có nghĩa là, “Cái này, đã được phát sinh, bởi cái kia là” (“This” arises because “that is”), điều này có nghĩa là không có gì hiện hữu trong chính nó và “Cái này, đã được tạo tác ra, tạo ta cái kia “ (“This”, having been produced, produces “that”). Không có gì là nguyên nhân của chính nó.

Một vật chỉ có thể khởi lên nếu nó được liên kết, có điều kiện và tạo điều kiện, đồng hiện hữu, đồng tác hành và trong sự chuyển hóa liên tục .

H.P.Stapp, một nhà Vật lý lượng tử và Werner Heisenberg, một người được coi như người đặt nền móng của ngành này, hai ông đã phát biểu như sau

(An elementary particle is not an independently existing unanalysable entity. It is essence, a set of relationships that reach outward to other things”. (H.P. Stapp)

: “ Một hạt cơ bản không phải là một đơn vị tồn tại độc lập, một thực thể không thể phân tích được. Nó không gì hơn là một loạt những mối liên hệ, nó vươn mình ra ngoài với tới vật khác. ”

.... The world thus appears as a complicated tissue of events, in which connections of different kinds alternate or overlap or combine and thereby determine the texture of the whole) - (Lời của Werner Heisenberg)-

“Thế giới hiện ra như một mạng lưới gồm toàn những biến cố , trong đó hiện ra rất nhiều cách liên hệ kỳ lạ, đan xen nhau, chông chéo nhau, phối hợp lẫn nhau và với cách đó mà chúng quyết định cơ cấu của toàn bộ mạng lưới ”.

“ Tính chất và sự hiện hữu của sự vật xuất phát từ những mối tương quan mà ra, tự nó không có gì cả.” –(Long Thụ - Nāgārjuna) -

(Long Thụ - Nāgārjuna - là một trong những luận sư vĩ đại nhất của lịch sử Phật giáo sống vào giữa thế kỷ I và II).

“Duyên Khởi” chính là ý niệm về chân không, nó không có nghĩa là hư vô mà chính là sự rỗng không một hiện hữu thực. Và tất cả đều “tùy thuộc hỗ tương” trong mối tương quan, tất cả mọi sự đều dựa lên nhau mà thành, phụ thuộc lẫn nhau mà sinh ra, cho nên chúng không tồn tại độc lập, không có tự ngã, không tự tính, trống rỗng, đó là ý nghĩa của chữ duyên khởi mà nhà Phật hay nói đến.

Phật giáo xem thế giới là một tấm lưới toàn hảo về mối tương quan vạn vật trong vũ trụ, trong đó mọi sự vật và biến cố tác động lên nhau, trùng trùng duyên khởi vô tận. Sự tùy thuộc hỗ tương là điều kiện cần thiết cho sự thể hiện các hiện tượng.

4./ Lời kết – Duyên Khởi và Lòng Từ Tâm:

Tất cả chúng ta chỉ là những hạt bụi trong vũ trụ bao la này, chúng ta cùng có chung một lịch sử với muôn loài khác, từ những thú hoang ở trong rừng già đến những hoa đồng cỏ nội, từ những cánh chim bay lượn giữa trời xanh đến đóa hồng thơm ngát bên hiên nhà....- tất cả, tất cả đều gắn kết với nhau qua không gian và thời gian. Tất cả đều có một gốc đời chung.Những mục đích của đời sống như quyền thế, danh vọng, sở hữu, lạc thú do giác quan đem đến...v.v..., những thứ này có thể tạo thành những thỏa mãn nhất thời, nhưng sẽ không bao giờ là những thỏa mãn thường hằng, mãi mãi, và chẳng chóng thì chày, chẳng sớm thì muộn, những thỏa mãn này sẽ thành bất mãn, bất như ý. Khi chạy theo suốt đời những mục tiêu phù vân đó, ta ít có cơ hội đạt đến hạnh phúc thật sự. Ý



thức về “duyên khởi” sẽ hạ thấp bức tường thành ảo ảnh mà tinh thần ta dựng lên giữa “ngã” và “tha” (ngoại giới). Sự hạ thấp bức tường này sẽ biến lòng đố kỵ, tham dục, kiêu hãnh, tàn ác... thành vô nghĩa và sẽ giúp ta làm giảm đi các thủ chấp, ác độc trong ta. Tất cả mọi vật đều luôn luôn biến động không ngừng,

đều liên kết, tương quan với nhau, ý thức được điều đó ta sẽ cảm thấy gần gũi, quan tâm đến hạnh phúc và đau khổ của người khác. Ý thức được lý “duyên khởi”, sẽ giúp ta trong tiến trình chuyên hóa nội tâm, và ý thức được rằng, “xây dựng hạnh phúc trên sự đau khổ của người khác không những là vô đạo đức mà còn là không thực tế, đó chỉ là ảo tưởng”. Từ đó, giúp ta nhận ra “Ta” với “Người” là một, nó sẽ là một nguồn suối “từ ái vô lượng” trong cách nhìn thế giới khác đi, từ đó sẽ hành động công bình hơn. Vì, một “vũ trụ quan” đúng sẽ đưa ta đến “thế giới quan” đúng, một “thế giới quan” đúng sẽ đưa ta đến một “nhân sinh quan” đúng, một “nhân sinh quan” đúng sẽ đưa ta đến một “luyện ái quan” đúng.

Để đi đến phần kết của bài viết này, người viết xin được mượn lời của Einstein, người khai sinh ra thuyết tương đối, ông nói:

(nguyên văn) “A human being is part of a whole, called by us the “Universe”, a part limited in time and space. He experiences himself, his thoughts and feeling, as something separated from the rest – a kind of optical delusion of his consciousness . This delusion is a kind of prison for us, restricting us to our personal desires and to affection for a few persons nearest us. Our task must be to free ourselves from this prison by widening our circles of compassion to embrace all living creatures and the whole of nature in its beauty”

“Con người chỉ là một thành phần của cái mà ta gọi là “Vũ Trụ”, một thành phần bị giới hạn bởi thời gian và không gian. Con người tự kinh nghiệm từ chính bản thân, từ những suy

nghĩ và các tình cảm của nó, nó tự coi như là các thành phần tách biệt với những người khác, đây là một thứ ảo ảnh thị giác từ ý thức của nó. Áo tưởng này, chính là một loại nhà tù đối với chúng ta, nó ức chế ước muốn cá nhân và lòng thương yêu chỉ dành cho một số người gần gũi nhất. Bản phận của chúng ta là phải tự giải thoát ra khỏi nhà tù đó bằng cách nói rộng vòng từ tâm bao quát tới mọi vật chúng sinh và trọn cả thiên nhiên với vẻ đẹp của nó”.

Mùa xuân năm 2017
Bougainvillea - T

Áo Dài

**Áo dài em mặc dáng thướt tha
Quê hương che nửa mở đôi tà
Tà trước gió lùa bay giữa phố
Tà sau phất phới rực rỡ hoa.**

**Lãng Tử
người nghệ sĩ lang thang
hoài trong tâm tưởng.**